

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2026

DANH SÁCH HỌC VIÊN NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC TUYỂN SINH NĂM 2026
CẤP ĐÀO TẠO: CHUYÊN KHOA CẤP II

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
		CHUYÊN NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH (21)				
1	1	26.02.01.0003	Nam	12/08/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
2	2	26.02.01.0007	Nam	10/04/1994	Tỉnh Bình Định	
3	3	26.02.01.0009	Nam	11/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
4	4	26.02.01.0011	Nam	03/03/1987	Tỉnh Quảng Nam	
5	5	26.02.01.0019	Nam	13/02/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
6	6	26.02.01.0023	Nữ	19/06/1991	Ninh Bình	
7	7	26.02.01.0024	Nữ	05/11/1991	Tỉnh Vĩnh Long	
8	8	26.02.01.0025	Nam	19/03/1993	Thừa Thiên Huế	
9	9	26.02.01.0029	Nam	26/11/1991	Thừa Thiên Huế	
10	10	26.02.01.0033	Nữ	14/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
11	11	26.02.01.0037	Nữ	01/01/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
12	12	26.02.01.0040	Nữ	22/12/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
13	13	26.02.01.0044	Nam	15/11/1978	Tỉnh Đồng Tháp	
14	14	26.02.01.0045	Nam	25/04/1995	Thành phố Đà Nẵng	



STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
15	15	26.02.01.0046	Nữ	23/05/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
16	16	26.02.01.0047	Nữ	21/02/1987	Tỉnh Tây Ninh	
17	17	26.02.01.0051	Nam	16/04/1992	Quảng Nam Đà Nẵng	
18	18	26.02.01.0052	Nữ	27/06/1988	Tỉnh Gia Lai Kontum	
19	19	26.02.01.0054	Nam	03/06/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
20	20	26.02.01.0057	Nam	06/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
21	21	26.02.01.0058	Nữ	13/06/1985	Tỉnh Khánh Hòa	
		CHUYÊN NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH (23)				
22	1	26.02.02.0059	Nam	12/09/1977	Tỉnh Thái Bình	
23	2	26.02.02.0060	Nam	28/05/1990	Tỉnh Đắk Lắk	
24	3	26.02.02.0063	Nam	27/04/1988	Tỉnh Đắk Lắk	
25	4	26.02.02.0064	Nam	15/07/1995	Tỉnh Tiền Giang	
26	5	26.02.02.0068	Nam	23/05/1994	Tỉnh Nghệ An	
27	6	26.02.02.0069	Nam	21/03/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
28	7	26.02.02.0071	Nam	29/02/1988	Tỉnh Phú Khánh	
29	8	26.02.02.0072	Nam	18/09/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
30	9	26.02.02.0073	Nam	17/10/1989	Long An	
31	10	26.02.02.0074	Nam	01/12/1990	Tỉnh Long An	
32	11	26.02.02.0078	Nam	18/06/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
33	12	26.02.02.0079	Nam	13/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	



STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
34	13	26.02.02.0080	Nam	03/03/1995	Tỉnh Đồng Tháp	
35	14	26.02.02.0081	Nam	05/10/1991	Tỉnh Phú Yên	
36	15	26.02.02.0082	Nam	23/04/1992	Tỉnh Bến Tre	
37	16	26.02.02.0083	Nam	19/09/1993	Sông Bé	
38	17	26.02.02.0084	Nam	14/10/1992	Tỉnh Nghệ An	
39	18	26.02.02.0085	Nam	30/08/1995	Thành phố Đà Nẵng	
40	19	26.02.02.0087	Nam	18/01/1996	Tỉnh Tiền Giang	
41	20	26.02.02.0090	Nam	01/10/1986	Tỉnh Hà Bắc	
42	21	26.02.02.0091	Nam	27/05/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
43	22	26.02.02.0092	Nam	24/08/1994	Tỉnh Nghệ An	
44	23	26.02.02.0094	Nam	14/01/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: DA LIỄU (08)				
45	1	26.02.03.0096	Nam	04/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
46	2	26.02.03.0099	Nữ	15/06/1994	Quảng Ngãi	
47	3	26.02.03.0100	Nữ	02/02/1995	Tỉnh Quảng Trị	
48	4	26.02.03.0102	Nam	05/02/1987	Tỉnh Vĩnh Long	
49	5	26.02.03.0104	Nam	26/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
50	6	26.02.03.0106	Nữ	20/06/1994	Bắc Giang	
51	7	26.02.03.0110	Nữ	04/08/1994	Tỉnh Vĩnh Long	
52	8	26.02.03.0111	Nữ	20/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	



STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
		CHUYÊN NGÀNH: HUYẾT HỌC (01)				
53	1	26.02.07.0112	Nữ	15/08/1987	Tỉnh Sông Bé	
		CHUYÊN NGÀNH: NHẮN KHOA (12)				
54	1	26.02.08.0212	Nữ	05/04/1990	Thuận Hải	
55	2	26.02.08.0213	Nam	01/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
56	3	26.02.08.0214	Nữ	15/07/1986	Tỉnh Nghệ An	
57	4	26.02.08.0215	Nữ	28/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
58	5	26.02.08.0216	Nữ	15/11/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
59	6	26.02.08.0217	Nam	05/06/1994	Tỉnh Khánh Hòa	
60	7	26.02.08.0218	Nữ	26/11/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
61	8	26.02.08.0219	Nam	28/03/1992	Tỉnh Trà Vinh	
62	9	26.02.08.0221	Nam	26/10/1986	Tỉnh Hà Tĩnh	
63	10	26.02.08.0222	Nữ	25/03/1992	Tỉnh Bình Định	
64	11	26.02.08.0223	Nữ	26/09/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
65	12	26.02.08.0224	Nữ	21/09/1993	Thành phố Hà Nội	
		CHUYÊN NGÀNH: NHI KHOA (11)				
66	1	26.02.09.0228	Nam	11/01/1997	Tỉnh Long An	
67	2	26.02.09.0230	Nam	07/04/1984	Tỉnh Lâm Đồng	
68	3	26.02.09.0231	Nam	17/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
69	4	26.02.09.0233	Nam	20/08/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	



STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
70	5	26.02.09.0234	Nam	06/06/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
71	6	26.02.09.0236	Nữ	08/04/1993	Tỉnh Long An	
72	7	26.02.09.0237	Nữ	29/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
73	8	26.02.09.0238	Nam	25/09/1988	Đà Nẵng	
74	9	26.02.09.0239	Nữ	01/10/1980	Tỉnh Đắk Lắk	
75	10	26.02.09.0240	Nữ	08/08/1984	Thanh Hải	
76	11	26.02.09.0243	Nam	03/10/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT (27)				
77	1	26.02.10.0283	Nữ	12/3/1987	Đồng Nai	
78	2	26.02.10.0284	Nam	10/06/1991	Tỉnh Quảng Ngãi	
79	3	26.02.10.0285	Nam	26/11/1994	Thành phố Đà Nẵng	
80	4	26.02.10.0286	Nữ	27/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
81	5	26.02.10.0287	Nam	17/08/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
82	6	26.02.10.0288	Nam	26/10/1989	Tỉnh Thanh Hóa	
83	7	26.02.10.0290	Nữ	22/08/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
84	8	26.02.10.0291	Nam	24/07/1970	Sài Gòn	
85	9	26.02.10.0292	Nữ	01/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
86	10	26.02.10.0293	Nữ	30/10/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
87	11	26.02.10.0294	Nữ	11/01/1987	Tỉnh Thanh Hóa	
88	12	26.02.10.0297	Nữ	22/11/1993	Tỉnh Bình Định	



STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
89	13	26.02.10.0298	Nam	03/02/1990	Tỉnh Đồng Nai	
90	14	26.02.10.0299	Nam	09/06/1984	Tỉnh Nghệ An	
91	15	26.02.10.0300	Nam	06/08/1989	Sông Bé	
92	16	26.02.10.0301	Nam	03/02/1987	Tỉnh Quảng Bình	
93	17	26.02.10.0302	Nam	16/08/1990	Hà Nam Ninh	
94	18	26.02.10.0303	Nữ	24/11/1987	Tỉnh Long An	
95	19	26.02.10.0304	Nam	10/06/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
96	20	26.02.10.0305	Nam	20/02/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
97	21	26.02.10.0306	Nam	24/04/1988	Thành phố Cần Thơ	
98	22	26.02.10.0307	Nữ	01/01/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
99	23	26.02.10.0308	Nữ	13/01/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
100	24	26.02.10.0309	Nữ	13/05/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
101	25	26.02.10.0310	Nam	22/02/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
102	26	26.02.10.0311	Nam	24/08/1981	Tỉnh Quảng Trị	
103	27	26.02.10.0313	Nữ	15/03/1982	Tỉnh Đồng Nai	
		CHUYÊN NGÀNH: NỘI TIM MẠCH (19)				
104	1	26.02.11.0250	Nam	15/05/1987	Tỉnh Đồng Tháp	
105	2	26.02.11.0251	Nam	26/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
106	3	26.02.11.0253	Nam	02/02/1985	Tỉnh Quảng Nam	
107	4	26.02.11.0256	Nam	27/04/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	

35

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
108	5	26.02.11.0257	Nam	16/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
109	6	26.02.11.0259	Nam	11/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
110	7	26.02.11.0260	Nam	04/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
111	8	26.02.11.0261	Nam	19/10/1997	Tỉnh Kiên Giang	
112	9	26.02.11.0263	Nữ	20/12/1986	Tỉnh Nam Định	
113	10	26.02.11.0264	Nam	01/02/1992	Tỉnh Đồng Nai	
114	11	26.02.11.0265	Nam	08/10/1991	Hậu Giang	
115	12	26.02.11.0266	Nữ	12/07/1984	Tỉnh Long An	
116	13	26.02.11.0269	Nam	26/10/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
117	14	26.02.11.0271	Nam	16/03/1996	Tỉnh Bạc Liêu	
118	15	26.02.11.0272	Nam	26/09/1987	Bà Rịa Vũng Tàu	
119	16	26.02.11.0273	Nữ	05/01/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
120	17	26.02.11.0275	Nam	18/02/1983	Tỉnh Đắk Lắk	
121	18	26.02.11.0276	Nữ	19/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
122	19	26.02.11.0279	Nữ	15/03/1986	Tỉnh Đắk Lắk	
		CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT (20)				
123	1	26.02.12.0171	Nam	01/08/1996	Tỉnh Bình Định	
124	2	26.02.12.0173	Nữ	25/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
125	3	26.02.12.0174	Nam	11/12/1997	Tỉnh Đồng Nai	
126	4	26.02.12.0176	Nam	11/01/1997	Tỉnh Bình Thuận	



STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
127	5	26.02.12.0178	Nam	09/05/1993	Tỉnh Long An	
128	6	26.02.12.0181	Nam	27/07/1997	Tỉnh Bình Thuận	
129	7	26.02.12.0183	Nam	01/01/1998	Tỉnh Bình Định	
130	8	26.02.12.0185	Nam	18/06/1998	Tỉnh Phú Yên	
131	9	26.02.12.0187	Nữ	05/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
132	10	26.02.12.0189	Nam	08/07/1993	Tỉnh Tiền Giang	
133	11	26.02.12.0190	Nữ	06/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
134	12	26.02.12.0192	Nam	04/01/1996	Tỉnh Đồng Nai	
135	13	26.02.12.0198	Nam	12/11/1997	Tỉnh Đồng Nai	
136	14	26.02.12.0199	Nam	10/09/1996	Quảng Nam	
137	15	26.02.12.0201	Nam	21/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
138	16	26.02.12.0202	Nam	03/05/1982	Quảng Nam	
139	17	26.02.12.0203	Nam	14/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
140	18	26.02.12.0204	Nam	02/04/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
141	19	26.02.12.0208	Nam	27/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
142	20	26.02.12.0211	Nam	24/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ (10)				
143	1	26.02.13.0314	Nam	14/11/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
144	2	26.02.13.0315	Nam	16/06/1995	Tỉnh Bến Tre	
145	3	26.02.13.0316	Nam	28/08/1993	Tỉnh Đắk Lắk	

34

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
146	4	26.02.13.0317	Nam	03/03/1990	Nam Định	
147	5	26.02.13.0319	Nữ	11/02/1984	Tỉnh Tiền Giang	
148	6	26.02.13.0321	Nam	12/08/1994	Thành phố Hải Phòng	
149	7	26.02.13.0322	Nữ	15/03/1992	Tỉnh Gia Lai	
150	8	26.02.13.0323	Nam	15/10/1990	Tỉnh Quảng Ngãi	
151	9	26.02.13.0324	Nam	26/06/1982	Tỉnh L. Sơn	
152	10	26.02.13.0325	Nữ	27/07/1990	Trà Vinh	
		CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ Y TẾ (08)				
153	1	26.02.14.0333	Nam	04/10/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
154	2	26.02.14.0334	Nữ	01/03/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	
155	3	26.02.14.0335	Nữ	13/08/1994	Tỉnh Lâm Đồng	
156	4	26.02.14.0336	Nam	20/05/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
157	5	26.02.14.0337	Nữ	01/05/1972	Tỉnh Bến Tre	
158	6	26.02.14.0338	Nam	05/05/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	
159	7	26.02.14.0339	Nữ	25/10/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
160	8	26.02.14.0341	Nam	22/03/1991	Tỉnh Long An	
		CHUYÊN NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA (26)				
161	1	26.02.15.0346	Nam	25/09/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
162	2	26.02.15.0349	Nữ	21/12/1998	Tỉnh Đồng Nai	
163	3	26.02.15.0350	Nữ	23/9/1981	Tỉnh Bến Tre	

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
164	4	26.02.15.0353	Nữ	14/08/1988	Tỉnh Kiên Giang	
165	5	26.02.15.0354	Nam	14/12/1983	Tỉnh Đồng Nai	
166	6	26.02.15.0355	Nam	25/09/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
167	7	26.02.15.0356	Nam	16/11/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
168	8	26.02.15.0362	Nam	24/05/1997	Tỉnh Đồng Nai	
169	9	26.02.15.0363	Nam	17/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
170	10	26.02.15.0367	Nam	23/01/1984	Tỉnh Tiền Giang	
171	11	26.02.15.0370	Nữ	11/10/1979	Thành phố Hồ Chí Minh	
172	12	26.02.15.0371	Nam	01/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
173	13	26.02.15.0373	Nữ	10/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
174	14	26.02.15.0374	Nữ	15/10/1993	Tỉnh Quảng Ngãi	
175	15	26.02.15.0375	Nữ	21/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
176	16	26.02.15.0376	Nữ	01/02/1992	Quảng Nam	
177	17	26.02.15.0377	Nữ	23/10/1991	Tỉnh Tiền Giang	
178	18	26.02.15.0379	Nữ	16/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
179	19	26.02.15.0380	Nữ	28/10/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
180	20	26.02.15.0382	Nam	16/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
181	21	26.02.15.0385	Nam	15/04/1992	Tỉnh Quảng Trị	
182	22	26.02.15.0387	Nữ	08/04/1993	Tỉnh Long An	
183	23	26.02.15.0391	Nữ	01/12/1994	Tỉnh Cà Mau	

3m

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
184	24	26.02.15.0393	Nữ	09/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
185	25	26.02.15.0396	Nam	06/12/1977	Thành phố Hồ Chí Minh	
186	26	26.02.15.0401	Nữ	29/01/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG (15)				
187	1	26.02.16.0402	Nữ	16/03/1993	Tỉnh Thanh Hóa	
188	2	26.02.16.0403	Nam	11/08/1996	Tỉnh DakNong	
189	3	26.02.16.0405	Nam	13/05/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
190	4	26.02.16.0411	Nữ	24/09/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
191	5	26.02.16.0413	Nam	23/09/1996	Sông Bé	
192	6	26.02.16.0414	Nam	19/06/1986	Tỉnh Sóc Trăng	
193	7	26.02.16.0416	Nam	30/11/1992	Tỉnh Đồng Nai	
194	8	26.02.16.0423	Nam	11/9/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
195	9	26.02.16.0425	Nữ	10/12/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
196	10	26.02.16.0426	Nam	01/12/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
197	11	26.02.16.0427	Nữ	07/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
198	12	26.02.16.0428	Nữ	19/08/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
199	13	26.02.16.0429	Nữ	27/08/1990	Thành phố Hà Nội	
200	14	26.02.16.0432	Nam	05/12/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
201	15	26.02.16.0434	Nữ	13/05/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: THẦN KINH (08)				



STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
202	1	26.02.17.0437	Nam	07/01/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
203	2	26.02.17.0438	Nam	17/01/1987	Tỉnh Bình Phước	
204	3	26.02.17.0439	Nam	03/04/1988	Tỉnh Gia Lai	
205	4	26.02.17.0441	Nữ	16/09/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
206	5	26.02.17.0442	Nam	30/09/1994	Tỉnh Tiền Giang	
207	6	26.02.17.0444	Nữ	25/08/1991	Quảng Nam	
208	7	26.02.17.0445	Nam	03/05/1992	Tỉnh Phú Yên	
209	8	26.02.17.0446	Nam	19/09/1977	SÓC TRĂNG	
		CHUYÊN NGÀNH: TRUYỀN NHIỆM (03)				
210	1	26.02.19.0447	Nam	28/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
211	2	26.02.19.0448	Nữ	05/06/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
212	3	26.02.19.0449	Nam	19/07/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: UNG BƯỚU (10)				
213	1	26.02.20.0450	Nữ	15/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
214	2	26.02.20.0452	Nữ	04/05/1989	Tỉnh Gia Lai	
215	3	26.02.20.0453	Nam	27/12/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
216	4	26.02.20.0454	Nữ	23/03/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
217	5	26.02.20.0455	Nam	30/09/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
218	6	26.02.20.0456	Nữ	30/12/1992	Tỉnh Sông Bé	
219	7	26.02.20.0457	Nam	02/12/1989	Tỉnh Long An	



STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
220	8	26.02.20.0458	Nữ	07/01/1980	Thành phố Hồ Chí Minh	
221	9	26.02.20.0459	Nam	01/03/1991	Tỉnh Khánh Hòa	
222	10	26.02.20.0460	Nữ	15/11/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI LÒNG NGỰC (07)				
223	1	26.02.33.0129	Nam	10/05/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	
224	2	26.02.33.0131	Nam	28/09/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
225	3	26.02.33.0134	Nữ	12/05/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
226	4	26.02.33.0136	Nam	15/01/1977	Thành phố Hồ Chí Minh	
227	5	26.02.33.0137	Nam	02/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
228	6	26.02.33.0138	Nam	25/06/1991	TPHCM	
229	7	26.02.33.0140	Nam	23/01/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
		CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI TIẾT NIỆU (23)				
230	1	26.02.34.0141	Nam	18/05/1996	Quảng Nam - Đà Nẵng	
231	2	26.02.34.0142	Nam	18/01/1992	Tỉnh Nghệ An	
232	3	26.02.34.0144	Nam	30/04/1997	Tỉnh Phú Yên	
233	4	26.02.34.0146	Nam	11/04/1998	Thành phố Hồ Minh	
234	5	26.02.34.0147	Nam	31/03/1995	Tỉnh Bạc Liêu	
235	6	26.02.34.0148	Nam	26/09/1998	Tỉnh Đồng Nai	
236	7	26.02.34.0150	Nam	16/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
237	8	26.02.34.0151	Nam	03/03/1994	Tỉnh Trà Vinh	



STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
238	9	26.02.34.0152	Nam	02/03/1991	Tỉnh Kiên Giang	
239	10	26.02.34.0153	Nam	06/08/1996	Tỉnh Thanh Hóa	
240	11	26.02.34.0154	Nam	22/06/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
241	12	26.02.34.0155	Nữ	05/04/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
242	13	26.02.34.0156	Nam	16/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
243	14	26.02.34.0158	Nam	29/09/1993	Tỉnh Kiên Giang	
244	15	26.02.34.0160	Nam	05/12/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
245	16	26.02.34.0161	Nam	27/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
246	17	26.02.34.0162	Nam	26/06/1993	Tỉnh Kon Tum	
247	18	26.02.34.0163	Nam	20/05/1985	Thành phố Hồ Chí Minh	
248	19	26.02.34.0164	Nam	26/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
249	20	26.02.34.0165	Nam	07/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
250	21	26.02.34.0166	Nam	08/02/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
251	22	26.02.34.0167	Nam	25/12/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
252	23	26.02.34.0169	Nam	06/12/1996	Tỉnh Nam Định	
		CHUYÊN NGÀNH: LÃO KHOA (06)				
253	1	26.02.39.0114	Nam	03/06/1989	Tỉnh Bến Tre	
254	2	26.02.39.0115	Nam	07/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
255	3	26.02.39.0116	Nữ	26/11/1992	Tỉnh Đắk Lắk	
256	4	26.02.39.0118	Nữ	12/03/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	

3/4

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
257	5	26.02.39.0122	Nữ	12/03/1996	Tỉnh Đồng Nai	
258	6	26.02.39.0127	Nam	26/02/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	

Danh sách có 258 học viên nộp hồ sơ nhập học.

3^{tr}

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS.TS.BS. Ngô Minh Vinh

